TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 3 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T , sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp Bàu Sen, xã Tân Duyệt, huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Quốc C , sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Ấp Bàu Sen, xã Tân Duyệt, huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024 trong qúa trình giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T với ông Trương Quốc C tự nguyện chung sống vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn nên thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng ly thân từ ngày 09/01/2024 đến nay. Nay, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C .

Về con chung: Trương Thảo N , sinh năm 2003, Trương Tâm N , sinh năm 2006 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với trẻ Trương Cẩm N , sinh ngày 24/02/2014. Khi ly hôn con có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi

dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Trương Quốc C trình bày:

Về hôn nhân: Thời gin chung sống, không đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng, đôi khi có rượu ông có nói quá lời nên bà Tú bỏ đi từ đầu năm 2024 đến nay. Nay, ông C xác định còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T .

Về con chung: Đúng như bà T trình bày. Trường hợp Tòa án xét xử ông với bà T ly hôn, con có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi dưỡng; cấp dưỡng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông C không yêu cầu.

Về nợ chung: Bà T và ông C xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 14/3/2024 bà T và ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C .

[2] Về hôn nhân. Bà T với ông C chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông C nguyên do, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, Xét thấy, bà T với ông C chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà T với ông C là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà T với ông C xác định trẻ Trương Cẩm N , sinh ngày 24/02/2014 có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi dưỡng; cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con..."*. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tại văn bản trình bày nguyện vọng trẻ Cẩm N ngày 10/3/2024 thể hiện, trẻ Cẩm N có nguyện vọng ở với bà T nên giao trẻ Cẩm N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trương Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông C xác định không có.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81; khoản 2 Điều 82; khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Cẩm T với ông Trương Quốc C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Trương Cẩm N , sinh ngày 24/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trương Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000773 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trương Quốc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam